

**CÔNG TY CỔ PHẦN ZOSI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ZOSI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZOSI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ZOSI VIET NAM, JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108225094

**3. Ngày thành lập:** 10/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 34 ngõ 80 Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943891528

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy lọc nước. Lắp ráp máy lọc nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (không sản xuất, lắp ráp tại trụ sở) | 2819     |
| 2.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                             | 3100     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                            | 4330     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                    | 4620     |
| 5.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                             | 3700     |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                    | 4311     |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                  | 7410     |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                            | 4933     |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                 | 4210     |
| 10. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                              | 4220     |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                | 4290     |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                         | 4312     |
| 13. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                         | 3600     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị lọc nước ((trừ máy móc, thiết bị y tế);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659(Chính) |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;<br>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng;<br>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an toàn như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; | 4759        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế nội</li> <li>- Ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng;</li> <li>- Khảo sát địa hình công trình;</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;</li> <li>- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;</li> <li>- Thiết kế công trình giao thông;</li> </ul> | 7110 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329 |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320 |
| 23. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;</li> <li>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;</li> <li>- Bán buôn sơn và véc ni;</li> <li>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;</li> <li>- Bán buôn kính phẳng;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;</li> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn bình đun nước nóng;</li> <li>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.</li> </ul>                                                                                                                                                                  | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su<br>- Bán lẻ thạch cao, vôi và các sản phẩm từ thạch cao vôi | 4752 |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3314 |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100 |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN TUYÊN  | thôn Nghĩa Tiến, Xã Đông Lỗ, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    | 121601718                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HẢI ĐĂNG | Tổ 2, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 012108936                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                 |                         |        |             |        |           |  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|-------------|--------|-----------|--|
| 3 | ĐÀO HUY<br>HOÀNG | Thôn Nam Hưng,<br>Xã Song Lãng,<br>Huyện Vũ Thư,<br>Tỉnh Thái Bình,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | 151956098 |  |
|   |                  |                                                                                 | Tổng số                 | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO HUY HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151956098

Ngày cấp: 21/12/2007

Nơi cấp: công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Hưng, Xã Song Lãng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 34 ngõ 80 Hoa Lâm, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội